

Hà Nội, ngày 15 tháng 06 năm 2017

BẢN TIN TUẦN
Dự báo nguồn nước, hạn hán khu vực Bắc Trung Bộ
(Tuần từ ngày 16-22/6/2017)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT, NGUỒN NƯỚC

1. Tình hình mưa

a) Tình hình mưa trong tuần từ 16-06-2017 đến ngày 22-06-2017

	Lượng mưa trung bình trong tuần (mm)	Tổng lượng mưa cùng thời kỳ tại một số trạm điển hình				Dự báo lượng mưa từ ngày		
		Trạm	TBNN	2015	2016	16-06-2017	đến ngày	22-06-2017
Thanh Hóa	32,7	Thanh Hóa	27,9	8,7	0,0	có mưa to với lượng mưa:		75,4
Tĩnh Gia		Tĩnh Gia	25,1	4,0	0,0	có mưa, lượng mưa:		28,3
Như Xuân		Như Xuân	26,6	0,1	0,5	có mưa, lượng mưa:		38,4
Bái Thượng		Bái Thượng	38,8	67,1	0,0	có mưa, lượng mưa:		48,7
Hồi Xuân		Hồi Xuân	47,0	18,0	16,7	có mưa, lượng mưa:		64,5
Yên Định		Yên Định	27,9	8,7	0,0	có mưa to với lượng mưa:		49,4
Vinh	26,8	Vinh	24,3	47,9	0,0	có mưa, lượng mưa:		43,6
Đô Lương		Đô Lương	28,6	68,0	8,9	có mưa to với lượng mưa:		49,1
Nam Đàn		Nam Đàn	27,7	91,5	0,0	có mưa, lượng mưa:		36,3
Tương Dương		Tương Dương	31,7	104,8	35,1	có mưa to với lượng mưa:		75,3
Hương Sơn	27,0	Hương Sơn	22,7	47,9	51,3	có mưa to với lượng mưa:		44,2
Hà Tĩnh		Hà Tĩnh	30,5	18,0	45,9	có mưa, lượng mưa:		43,2
Kỳ Anh		Kỳ Anh	31,7	75,7	21,7	có mưa nhỏ		9,5
Ba Đồn	24,9	Ba Đồn	20,3	16,2	34,0	có mưa nhỏ		7,6
Tuyên Hóa		Tuyên Hóa	34,9	36,7	13,7	có mưa nhỏ		8,0
Đồng Hới		Đồng Hới	16,7	19,6	10,0	có mưa nhỏ		4,6
Lệ Thủy		Lệ Thủy	19,0	32,9	5,0	có mưa nhỏ		5,7
Đông Hà	28,5	Đông Hà	16,1	1,0	0,3	có mưa rải rác, lượng mưa:		10,7
Gia Vông		Gia Vông	23,1	0,0	3,0	có mưa nhỏ		3,4
Khe Sanh		Khe Sanh	39,4	9,0	15,6	có mưa, lượng mưa:		54,3
Thạch Hãn		Thạch Hãn	16,7	4,0	0,0	có mưa nhỏ		6,2
A Lưới	43,1	A Lưới	51,6	102,3	93,7	có mưa rải rác, lượng mưa:		19,5
Huế		Huế	23,9	3,4	0,5	có mưa nhỏ		7,1
Nam Đông		Nam Đông	51,0	27,3	15,2	có mưa, lượng mưa:		56,9
	29,7							

b) Tổng hợp mưa từ tháng I/2017 đến nay

Tỉnh/thành phố	Trạm đại diện	Lượng mưa tổng cộng trung bình (mm) (từ tháng 1/2017 đến nay)	So sánh với cùng kỳ (%)		
			Trung bình nhiều năm	Năm 2016	Năm 2015
Thanh Hóa	Thanh Hóa	503	-7,3	-54,0	-32,9
	Tĩnh Gia	410	+ 6,5	-54,0	-0,8
	Như Xuân	594	-22,8	-81,1	-39,0
	Bái Thượng	505	+ 34,2	+ 6,6	-23,5
	Hồi Xuân	515	+ 18,7	-72,7	+ 9,7
	Yên Định	399	+ 16,7	-42,1	-15,6
Nghệ An	Vinh	414	+ 8,8	+ 17	-37,4
	Đô Lương	541	-10,0	-1,4	-45,7
	Nam Đàn	254	+ 78	+ 73,9	-50,4
	Tương Dương	388	+ 39,7	-8,4	-14,7
Hà Tĩnh	Hương Sơn	903	-33,2	-55,0	-46,6
	Hà Tĩnh	546	+ 10,4	+ 90,1	-7,1
	Kỳ Anh	817	-31,2	-27,2	-40,6
Quảng Bình	Ba Đồn	615	-40,2	-33,2	-29,5
	Tuyên Hóa	721	-34,5	-34,1	-35,3
	Đồng Hới	473	-17,1	-6,3	-27,6
	Lệ Thủy	321	+ 28,3	+ 62,8	-70,7
Quảng Trị	Đông Hà	403	-3,2	-64,5	+ 5,5
	Gia Vông	212	+ 131,4	-48,6	-12,3
	Khe Sanh	629	-22,9	-76,2	-26,7
	Thạch Hãn	132	+ 263,6	-56,8	-14,4
Thừa Thiên - Huế	A Lưới	1273	-38,1	+ 11,9	-41,3
	Huế	816	-36,8	-33,6	-42,0
	Nam Đông	1033	-28,8	-33,9	-28,2

2. Tình hình nguồn nước

a) Nguồn nước trữ tại hồ chứa thủy lợi

Tỉnh/thành phố	Tỷ lệ trữ so với dung tích thiết kế (%)	So sánh với cùng kỳ (+/-%)			Dự báo W trữ cuối vụ Hè Thu (%)	Dung tích trữ và so với thiết kế một số hồ chứa vừa và lớn (triệu m ³ ; %)
		Trung bình nhiều năm	Năm 2016	Năm 2015		
Thanh Hóa	59.10%		25.20%	45.21%	41.50%	Bến Mây (119,09 tr m ³ ; 60%); Yên Mỹ (32,72 tr m ³ ; 54%); Hao Hao (6,84 tr m ³ ; 66%); Đồng Ngr (2,90 tr m ³ ; 36%); Bình Công (2,16 tr m ³ ;

Tỉnh/thành phố	Tỷ lệ trữ so với dung tích thiết kế (%)	So sánh với cùng kỳ (+/-%)			Dự báo W trữ cuối vụ Hè Thu (%)	Dung tích trữ và so với thiết kế một số hồ chứa vừa và lớn (triệu m ³ ; %)
		Trung bình nhiều năm	Năm 2016	Năm 2015		
						61%)
Nghệ An	63.72%		+66.09%	+47.68%	52.19%	Vực Mầu (44.23 tr m ³ ; 59.68%), Vệ Vùng (12.53 tr m ³ ; 68.23%), Khe Đá (10.02 tr m ³ ; 60.34%)
Hà Tĩnh	82.0%		+26.73%	+29.11%	68%	Kẻ Gỗ (259.45triệu m ³ ; 81%); Sông Rác (90.57triệu m ³ ; 82%)
Quảng Bình	74.41%		+39.1%	+42.6%	45.08%	Hồ Rào Đá (32.69 tr m ³ ; 38.72%)
Quảng Trị	73.75		28.65%	80.20%	43.49	Hồ Trúc Kinh (27.32 tr m ³ ; 70.1%); Hồ Kinh Môn (14.97 tr m ³ ; 68.7%), Hồ Tân Kim (3.45 tr m ³ ; 55.9%)
TT.Huế	89.2%		19.0%		18.4%	Tả Trạch (221.92 triệu m ³ ; 53%), Truồi(55.94triệu m ³ ; 101%)
Trung bình	73.70%					

Ghi chú:

- Tỉnh Thanh Hóa: Có 10/33 hồ không đủ nước phục vụ sản xuất (hồ Đồng Múc, Tây Trác, Vũng Sú, Bằng Lợi, Đồng Phú, Trưa Vàng, Quèn Kim, Hàm Rồng, Trung Toạ và Đồng Tiến).

- Tỉnh Hà Tĩnh: Có 1/15 hồ không đủ nước phục vụ sản xuất (hồ Khe Hao)

- Tỉnh Nghệ An: Dự báo hồ Khe Nậy có khả năng xảy ra hạn vào cuối vụ; Dự kiến diện tích hạn khoảng 17ha;

- Tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị các hồ đủ nước phục vụ sản xuất;

- Tỉnh TT-Huế: Có 1/14 tổng số hồ không đủ nước phục vụ sản xuất (hồ Phú Bài 2);

b) Nguồn nước trữ tại các hồ chứa thủy điện tham gia bổ sung nước cho hạ du

Hồ chứa	Dung tích trữ hiện tại (triệu m ³)	So sánh với cùng kỳ (+/-%)			Lưu lượng nước về (m ³ /s)	Lưu lượng bổ sung cho hạ du phục vụ sản xuất nông nghiệp, dân sinh (m ³ /s)
		Trung bình nhiều năm	Năm 2016	Năm 2015		
Cửa Đạt (Thanh Hóa)	323.28		-5.92%	-14.18%	147.7	57
Bản Vẽ (Nghệ An)	345.65		-9.79%	424.67%	72.64	142

Rào Quán (Quảng Trị)					9.17	10.8
Tả Trạch (Huế)	221.92		89%	83%	32.06	20.6
Trung bình						

II. DỰ BÁO TÌNH HÌNH HẠN HÁN, THIẾU NƯỚC

1. Thống kê ảnh hưởng của hạn hán, thiếu nước

TT	Tỉnh/Thành phố	Diện tích gieo trồng (ha)			Diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng do thiếu nước (ha)	Diện tích không canh tác do thiếu nước (ha)	Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng, hạn hán, xâm nhập mặn (ha)		
		Tổng cộng	Lúa	Cây trồng khác			Lúc cao nhất	Hiện tại	Dự báo xu thế (tăng/giảm)
1	Thanh Hóa	208947	133842	75105	-	153	-	-	-
2	Nghệ An	96200	87000	9200	-	17	-	-	-
3	Hà Tĩnh	85369	57962	27407	-	25	-	-	-
4	Quảng Bình	84140	53606	30514	-	-	-	-	-
5	Quảng Trị	53276.8	25568	27708.8	-	-	-	-	-
6	TT. Huế	42996	27933	15063	-	4.5	-	-	-
	Cộng	544850.8	349996	194854.8					

Ghi chú: - Tổng diện tích hạn hiện tại bao gồm....ha lúa,ha cây trồng cạn
- Các địa phương không thống kê trong bảng chưa có diện tích bị ảnh hưởng

2. Dự báo tình hình hạn hán, thiếu nước tuần tới

(Nhận xét chung tình hình, mức độ rủi ro có thể xuất hiện).

Nhiệt độ trung bình phổ biến ở mức xấp xỉ so với TBNN, chuẩn sai nhiệt độ dao động trong khoảng từ -0.5 đến 0.5 độ C so với TBNN cùng thời kỳ.

Nhiệt độ trung bình phổ biến ở mức xấp xỉ so với TBNN, chuẩn sai nhiệt độ dao động trong khoảng từ -0.5 đến 0.5 độ C so với TBNN cùng thời kỳ.

Lượng mưa từ Thanh Hóa đến đầu Nghệ An, Lượng mưa phổ biến ở mức cao hơn so với TBNN là từ 10-140%. Từ Nghệ An đến Quảng Trị phổ biến ở mức xấp xỉ trên so với TBNN, tổng lượng mưa tháng phổ biến cao hơn TBNN từ 10% đến 170% so với TBNN cùng thời kỳ.

Lượng mưa tích lũy từ đầu năm vùng đồng bằng ven biển từ Thanh Hóa đến Thừa Thiên Huế phổ biến ở mức thấp hơn so với TBNN cùng thời kỳ từ 5% đến 260%; Nhưng khu vực miền núi tổng lượng mưa tích lũy từ đầu năm đến tháng VI/2017 lại cao hơn khoảng từ 10 đến 40% so với giá trị TBNN cùng thời kỳ.

Theo tính toán dự báo trên khu vực hầu hết các hồ chứa vẫn tích được nước gần đầy hồ, đảm bảo cấp nước cho vụ Hè Thu. Tuy nhiên một số lưu vực sông vẫn có một vài công trình trữ được ít nước, sẽ gây khó khăn trong việc sử dụng nước vụ Hè Thu.

Vùng sông Mã trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa các hồ chứa có dung tích trữ từ 32%-95% so với dung tích thiết kế. Một số hồ có dung tích trữ thấp dưới 50% so với thiết kế gồm: Kim giao II 40%, Đồng Ngự 36%, Xuân Lũng 33%, Đồng Múc 43%, Tây Trác (47%), Vùng Sứ (40%), Bằng Lợi (48%) và Thung Bằng (41%). Nếu như nắng nều nắng nóng kéo dài, không có mưa thì một số hồ như: Tây Trác, Đồng Múc, Vùng Sứ, Bằng Lợi, Đồng Phú, Trưa Vàng, Quèn Kìm, Hàm Rồng, Trung Toạ và Đồng Tiến đến cuối tháng 6, giữa tháng 7 có khả năng sẽ bị hạn.

- Vùng sông Cả trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đều đang có dung tích trữ hơn 80% so với dung tích thiết kế. Duy nhất hồ Khe Hao chỉ trữ được 30% và có nguy cơ hạn hán trong thời gian tới. Dự báo tuần tới các hồ trên địa bàn tỉnh Nghệ An không thiếu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên có hồ Khe Nậy trong thời gian tới có khả năng xảy ra thiếu nước, khoảng 10% so với yêu cầu.

Vùng sông Nhật Lệ tỉnh Quảng Bình có hồ Rào Đá hiện đang trữ được ít nước, chỉ đạt 39.74% so với thiết kế. Nguyên nhân là do hồ đang bị xung yếu, để đảm bảo an toàn công trình phải giảm lượng trữ nước so với thiết kế.

Tỉnh Quảng Trị: Tổng dung tích các hồ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị hiện chỉ đạt 73.76% so với dung tích thiết kế. Trong đó có một số hồ hiện mực nước thấp như hồ Ái Tử chỉ đạt 61.8%, hồ Nghĩa Hy chỉ đạt 61.5% so với thiết kế, hồ Đá Mài đạt 64.4%, hồ Tân Kim đạt 55.9%, hồ Trúc Kinh đạt 70.1%, hồ Kinh Môn đạt 68.7% so với thiết kế. Các hồ còn lại đều đạt trên 70% so với thiết kế.

Lưu vực sông Hương tỉnh Thừa Thiên Huế dự báo cuối vụ Hè Thu, duy nhất hồ Phú Bài 2 nguồn nước đảm bảo đc 99% tức 613.53 ha so với nhiệm vụ tưới công trình là 618 ha.

Đây là giai đoạn đầu của vụ Hè Thu nên các hồ cũng chưa bị căng thẳng về nước tưới và chủ động trong kế hoạch dùng nước, tích nước để phục vụ cho vụ Hè Thu.

Giải pháp cần thực hiện

Giải pháp cụ thể, quan trọng cần thực hiện theo từng thời điểm.

- Tận dụng tối đa nguồn nước và công trình tưới tự chảy, giảm thời gian bơm của các trạm bơm. Thực hiện phương châm tưới tiết kiệm, điều hành công trình tưới hợp lý, khai thác mọi nguồn nước để đáp ứng yêu cầu tưới vụ Hè Thu 2017.

- Thực hiện phân đợt tưới và tổ chức tưới luân phiên cho các kênh cấp dưới, kiểm tra, thường xuyên nạo vét, sửa chữa chống mất nước, thấm lậu, sạt lở mái kênh gây lãng phí nguồn nước.

- Chủ động phối hợp với các địa phương và chi nhánh điện để ưu tiên đủ nguồn điện, chất lượng phục vụ khi có nhu cầu.

III. CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH PHÒNG, CHỐNG HẠN HÁN

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành

2. Tổng cục Thủy lợi
3. Tỉnh

Bản tin tiếp theo sẽ phát hành vào ngày 02/06tuần sau./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Bộ(để b/c);
- Lãnh đạo Tổng cục Thủy lợi (để b/c);
- Các Cục, Vụ liên quan thuộc TCTL (để b/c);
- Cục Trồng trọt (Phòng CLT);
- Website TCTL (để đăng tin);
- Lưu VT.

VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI